

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội ở Việt Nam

Vũ Thị Thu Hương¹

¹ Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
Email: huongvtt84@gmail.com

Nhận ngày 01 tháng 10 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 14 tháng 11 năm 2017.

Tóm tắt: Từ năm 1945, Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành đảng cầm quyền. Từ đó đến nay, trong mỗi giai đoạn cách mạng, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước nói chung và Quốc hội nói riêng có những đặc điểm riêng. Nhìn chung phương thức lãnh đạo của Đảng đã ngày càng phù hợp với chức năng lãnh đạo của Đảng và chức năng quản lý của Quốc hội. Đảng lãnh đạo Quốc hội thông qua: đường lối, quan điểm, các nghị quyết của Đảng; thông qua Đảng Đoàn Quốc hội; thông qua thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động của Quốc hội; và thông qua việc giới thiệu cán bộ vào một số chức vụ nhất định của Quốc hội.

Từ khóa: Phương thức lãnh đạo, Đảng Cộng sản Việt Nam, Quốc hội.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: In 1945, the Communist Party of Vietnam became the ruling party. Since then, in each stage, its mode of leadership towards the State in general and the National Assembly in particular has had specific characteristics. In general, the Party's leadership mode has been more and more in line with its leadership functions and the Assembly's management function. The Party leads the National Assembly with its guidelines, views and resolutions; via the latter's Party Committee; via the implementation of the functions of checking and supervising the latter's operations; and via the recommendations of candidates to certain positions in the latter.

Keywords: Mode of leadership, the Communist Party of Vietnam, the National Assembly.

Subject classification: Philosophy

1. Mở đầu

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành đảng cầm quyền, có vai trò lãnh đạo nhà nước và

xã hội. Nhà nước là công cụ chủ yếu để nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình. Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất của nhà nước. Sự lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước thể hiện trước hết ở sự

lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội. Khi nói đến sự lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội trước hết phải nói đến nội dung và phương thức lãnh đạo. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội có sự thay đổi từ năm 1946 đến nay. Bài viết trình bày đặc điểm chính trong phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội giai đoạn từ năm 1946 đến năm 1986, và giai đoạn từ năm 1986 đến nay.

2. Phương thức Đảng lãnh đạo đối với Quốc hội giai đoạn từ năm 1946 đến 1986

Ngày 3 tháng 9 năm 1945, Hồ Chí Minh với tư cách là Chủ tịch Chính phủ lâm thời đề nghị với Chính phủ tổ chức càng sớm càng tốt tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu. Ngày 1 tháng 6 năm 1946 tất cả công dân Việt Nam không phân biệt nam nữ, dân tộc, tôn giáo, chính kiến, từ 18 tuổi trở lên đã tham gia cuộc tổng tuyển cử, bầu ra đại biểu Quốc hội khóa I. Quốc hội khóa I đã hoàn thành sứ mệnh xây dựng bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (Hiến pháp 1946), quyết định được nhiều vấn đề quan trọng của quốc gia (như biểu quyết ngân sách, chuẩn y các hiệp ước Chính phủ ký kết với nước ngoài...). Trong giai đoạn từ năm 1946 đến 1975 đất nước ta phải tiến hành 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Nội dung lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội thời kỳ này chủ yếu là bảo vệ Tổ quốc và giữ vững độc lập dân tộc. Với nội dung đó, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội mang tính tuyệt đối và trực tiếp.

Trong phương thức lãnh đạo của Đảng ở giai đoạn này, chức năng của Đảng và chức

năng của Nhà nước chưa phân biệt rõ ràng, tổ chức đảng có thể trực tiếp làm công tác điều hành như cơ quan nhà nước. Phương thức lãnh đạo này tuy không phát huy được tính chủ động của các cơ quan nhà nước, nhưng là cần thiết trong điều kiện chiến tranh. Hơn nữa, trong điều kiện chiến tranh, nhiều cán bộ lãnh đạo các cơ quan đảng và cơ quan nhà nước là cán bộ quân sự, chưa có điều kiện tiếp cận với khoa học quản lý. Đây là một nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên.

Sau khi đất nước hoàn toàn thống nhất, Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đây là giai đoạn chuyển đổi từ chiến tranh sang hòa bình. Trong giai đoạn trước, phương thức lãnh đạo của Đảng là trực tiếp và tuyệt đối. Phương thức lãnh đạo đó bắt đầu biểu lộ sự không phù hợp trong giai đoạn mới. Vì thế, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã phê phán tình trạng đồng nhất vai trò lãnh đạo của Đảng và vai trò quản lý của nhà nước, tình trạng tổ chức đảng ở một số địa phương và cơ sở bao biện làm thay công việc của chính quyền; phê phán khuynh hướng coi nhẹ vai trò và trách nhiệm của tổ chức đảng trong cơ quan nhà nước, coi tổ chức đảng chỉ như một cơ quan tuyên truyền, động viên, không có tác dụng lãnh đạo thực sự; phê phán lối phân công tách rời hoạt động của cấp ủy Đảng với hoạt động của cơ quan nhà nước. Đại hội IV cũng phê phán chủ nghĩa kinh nghiệm trong phương thức lãnh đạo của Đảng. Từ đó, Đại hội IV đặt ra vấn đề: “phải xây dựng một hệ thống các quan hệ đúng đắn giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Phải ra sức xây dựng một Nhà nước kiểu mới, Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân, thông qua đó Đảng thực hiện sự lãnh đạo của mình đối với xã hội... Đảng

lãnh đạo Nhà nước, nhưng không bao biện, làm thay Nhà nước.” [3, tr.12]

Phương thức lãnh đạo của Đảng với nhà nước nói chung và Quốc hội nói riêng trong thời kỳ này mặc dù có tiến bộ hơn so với trước, nhưng nhìn chung vẫn có tính trực tiếp. Nhiều việc thuộc chức năng và quyền hạn của cơ quan nhà nước nhưng không thông qua cơ quan nhà nước. Ví dụ, ngày 3 tháng 1 năm 1981 Ban Bí thư ban hành Chỉ thị 100 về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động; đây là văn bản của Đảng chứ không phải là văn bản của nhà nước; đối với đối tượng thực hiện là toàn dân thì chức năng và quyền hạn ban hành văn bản thuộc cơ quan nhà nước, điều đó cho thấy có sự đơn giản hóa trách nhiệm ban hành văn bản giữa Đảng và nhà nước. Ở trường hợp này, Đảng đã đóng vai trò của người lãnh đạo chính trị sang người quản lý, điều hành. Ở nhiều trường hợp khác, cơ quan Đảng cũng quyết định trực tiếp từ phương hướng, nhiệm vụ, chỉ tiêu, biện pháp cụ thể...). Cho dù Nghị quyết của Đại hội VI cũng đã nhìn ra vấn đề này, nhưng việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn này mới chỉ được xới lên.

3. Phương thức Đảng lãnh đạo đối với Quốc hội giai đoạn từ năm 1986 đến nay

Đây là giai đoạn tạo ra bước ngoặt về tư duy phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Tại Đại hội VII (tháng 6 năm 1991), Đảng đã khẳng định tầm quan trọng của việc đổi mới phương thức lãnh đạo của mình và nhận định đã phân biệt rõ hơn chức năng lãnh đạo của Đảng với chức năng quản lý của nhà nước theo hướng tôn trọng vai trò và quyền hạn của nhà nước, giảm

bớt hiện tượng Đảng ôm đồm, bao biện, làm thay nhà nước. Hội nghị lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương Khóa VII họp tháng 6 năm 1992 đã xác định rõ hơn về phương thức lãnh đạo của Đảng, coi việc tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo là một trong năm nhiệm vụ chủ yếu của đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Các văn kiện và nghị quyết của Đảng sau đó ngày càng làm rõ hơn các phương thức lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước. Đối với Quốc hội, phương thức lãnh đạo của Đảng được xác định gồm bốn nội dung cơ bản sau.

Một là, Đảng lãnh đạo Quốc hội thông qua đường lối, quan điểm, các nghị quyết, các quyết định, chỉ thị, các nguyên tắc về các vấn đề hệ trọng của đất nước. Các Đại hội Đảng và các Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương đều ra Nghị quyết, trong đó xác định các quan điểm, chủ trương lớn của Đảng hoặc những vấn đề mang tính nguyên tắc. Đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước có quan hệ hữu cơ với nhau. Nghị quyết Đại hội XII, khẳng định: “Quốc hội có nhiều đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động. Hệ thống pháp luật tiếp tục được hoàn thiện. Hoạt động giám sát của Quốc hội tập trung vào những vấn đề bức thiết, quan trọng của đất nước. Việc thảo luận, quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước, các dự án, công trình trọng điểm quốc gia có chất lượng và thực chất hơn” [10, tr.172]. Các Hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương cũng nhiều lần đề cập đến hoạt động lập pháp của Quốc hội. Chẳng hạn, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, đề cập đến nhiều nội dung về đổi mới phương pháp lãnh đạo của Đảng với Quốc hội, như: yêu cầu cần nâng cao chất lượng và kiện toàn Quốc hội trên cơ sở nâng cao

hơn nữa chất lượng lập pháp; phân đấu tiến tới Quốc hội thực hiện đầy đủ quyền quyết định ngân sách như Hiến pháp quy định; nâng cao chất lượng giám sát của Quốc hội; tiếp tục kiện toàn tổ chức Quốc hội [11]. Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đã thảo luận về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã tập trung thảo luận, cho ý kiến đối với một số nội dung quan trọng của Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992 (về vai trò lãnh đạo của Đảng; về vị trí của Công đoàn Việt Nam; về thành phần kinh tế; về thu hồi đất; về quy định bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn; về chính quyền địa phương; về Hội đồng Hiến pháp; và một số nội dung quan trọng khác).

Trước Đại hội lần thứ VII, trước khi Quốc hội xem xét các đạo luật cụ thể, Đảng đoàn Quốc hội xin ý kiến của Bộ Chính trị và Ban Bí thư. Việc Ban Bí thư và Bộ Chính trị cho ý kiến vào từng dự án luật là cần thiết, song cần xác định rõ ý kiến cần chi tiết đến mức độ nào. Nếu ý kiến có tính định hướng thì Quốc hội sẽ có tính độc lập và chủ động. Còn nếu ý kiến quá chi tiết thì Quốc hội sẽ khó chủ động trong việc thực hiện vai trò đại diện của nhân dân. Đối với việc ban hành một số đạo luật lớn và việc sửa đổi Hiến pháp, Đảng đều có nghị quyết để lãnh đạo Quốc hội. Ví dụ, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khóa VII đã xem xét và cho ý kiến chỉ đạo việc ban hành Hiến pháp năm 1992; Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII đã xem xét cho ý kiến về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992; Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đã thảo luận về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992.

Ngoài ra, nhiều Hội nghị trong các khóa VIII, IX, X, XI đã cho ý kiến định hướng vào các bộ luật lớn như Bộ luật Hình sự, Bộ luật Dân sự, Luật Đất đai... Sự lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội bằng cách cho ý kiến định hướng như vậy vừa bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội, vừa bảo đảm tính độc lập và chủ động của Quốc hội. Đảng cho ý kiến về cơ sở chính trị của luật, mục đích và linh hồn của các đạo luật; không cho ý kiến về nội dung cụ thể của từng điều luật, kết cấu của luật, kỹ thuật xây dựng luật. Bộ Chính trị, Ban Bí thư có trách nhiệm cho ý kiến định hướng về các vấn đề quan trọng của đất nước trước khi Quốc hội xem xét.

Hai là, Đảng lãnh đạo Quốc hội thông qua Đảng đoàn Quốc hội. Quyết định số 42 năm 1992 của Bộ Chính trị quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Đảng đoàn Quốc hội, theo đó Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo Quốc hội thực hiện đúng đắn chủ trương, nghị quyết của Đảng; thực hiện các nghị quyết của Đảng về tổ chức, cán bộ theo sự phân công, phân cấp của Bộ Chính trị. Trong hơn 30 năm qua, Đảng đoàn Quốc hội tích cực thể chế hóa đường lối của Đảng thành Hiến pháp, pháp luật; gắn kết Bộ Chính trị, Ban Bí thư với Quốc hội. Đảng đoàn Quốc hội đảm bảo cho quy trình thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng thành pháp luật của nhà nước. Đảng đoàn Quốc hội trong những năm qua đã góp phần tạo ra sự biến đổi quan trọng của hoạt động Quốc hội; đổi mới cách thức làm việc của các kỳ họp Quốc hội, Ban Thường vụ Quốc hội và các Ủy ban của Quốc hội; giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng; làm cho hoạt động của Quốc hội dân chủ hơn, cởi mở hơn, hiệu quả hơn. Các đại biểu Quốc hội ngày càng thể hiện được vai trò người đại biểu của dân (phản

ánh tâm tư, nguyện vọng, quyền lợi của dân). Quốc hội ngày càng là diễn đàn của quốc dân. Các đảng viên trong Quốc hội thể hiện được vai trò người cán bộ của Đảng hoạt động trong lĩnh vực lập pháp. Trong Quốc hội cần có sự thống nhất giữa ý Đảng và lòng dân. Muốn vậy, trong Quốc hội cần đảm bảo sự thống nhất giữa các đại biểu đảng viên với các đại biểu không phải đảng viên. Nếu Đảng đoàn Quốc hội đưa ra trình Quốc hội những chủ trương chưa phản ánh được nguyện vọng và lợi ích của nhân dân, chưa thực sự hợp lòng dân thì khó tránh khỏi sự không tán thành không chỉ đối với những đại biểu không phải đảng viên, mà còn của cả các đại biểu đảng viên. Để lãnh đạo Quốc hội, Đảng đoàn Quốc hội cần phải tập hợp được trí tuệ tương ứng. Trung ương Đảng và Bộ Chính trị thông qua Đảng đoàn Quốc hội và các đảng viên trong Quốc hội để lãnh đạo hoạt động của Quốc hội. Đảng đoàn Quốc hội có trách nhiệm lãnh đạo Quốc hội thực hiện đúng đường lối, chủ trương, Nghị quyết của Đảng về tổ chức cán bộ, quyết định những vấn đề tổ chức cán bộ theo sự phân cấp của Bộ Chính trị; kiểm tra việc thực hiện đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng trong hoạt động của Quốc hội. Đảng đoàn Quốc hội có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động của các đảng viên trong Quốc hội; thông qua thảo luận, tranh luận thực sự dân chủ mà thuyết phục, vận động các đại biểu không phải đảng viên làm theo chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng. Các đảng viên phải chấp hành các quyết định của tổ chức đảng một cách nghiêm túc. Trong những trường hợp cần thiết, cần phải tổ chức quán triệt nghị quyết của Đảng trong các đảng viên của Quốc hội trước khi đưa ra bàn bạc, hoặc cử người đại diện của

Đảng trình bày quan điểm của Trung ương với Quốc hội để Quốc hội thảo luận. Đảng viên trong Quốc hội phải nói và thực hiện đúng những chủ trương, chính sách mà Bộ Chính trị và Trung ương đã khẳng định. Đối với những vấn đề mà Bộ Chính trị chỉ nêu phương hướng, đảng viên phải đề cao tính đảng, tham gia thảo luận, tranh luận thẳng thắn để Quốc hội đi tới những quyết định chuẩn xác. Đối với những vấn đề có ý kiến khác nhau, căn cứ để kết luận chưa thực sự rõ ràng, thì sau khi thảo luận, Đảng đoàn Quốc hội xin ý kiến Bộ Chính trị. Trong Đảng đoàn Quốc hội, bí thư, phó bí thư Đảng đoàn và các ủy viên Đảng đoàn Quốc hội (bao gồm các đồng chí Chủ tịch, Phó Chủ tịch Quốc hội, ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội) đều do Bộ Chính trị chỉ định. Đảng đoàn Quốc hội chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Với cơ cấu như vậy, Đảng đoàn Quốc hội có nhiều quyền lực để thực hiện vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội.

Ba là, Đảng lãnh đạo bằng việc thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động của Quốc hội thông qua Đảng đoàn Quốc hội và đảng viên. Kiểm tra, giám sát vừa là nội dung, vừa là phương thức lãnh đạo của Đảng. Bất cứ sự lãnh đạo, quản lý nào cũng cần kiểm tra, giám sát. Việc kiểm tra, giám sát nhằm phát hiện những sai trái, những biểu hiện lệch lạc; biểu dương những việc làm tốt, những cá nhân, tổ chức làm tốt; đúc rút những bài học hay cho công tác lãnh đạo. Nhìn chung việc Đảng lãnh đạo Quốc hội thông qua kiểm tra, giám sát cả về nội dung và phương thức của Đảng còn nhiều hạn chế. Đảng chưa xây dựng được cơ chế kiểm tra đôn đốc việc thực hiện những chủ trương mang tính định hướng; điều đó làm cho nhiều chủ trương đã được

ghi nhận trong các Nghị quyết của Đảng (Nghị quyết Đại hội toàn quốc của Đảng, Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng) vẫn chưa được thực hiện, hoặc thực hiện chưa thực sự tốt. Hiện nay, chúng ta chưa có cơ chế kiểm tra, giám sát đối với việc xây dựng luật, pháp lệnh để xem luật và pháp lệnh có trái Hiến pháp không, các văn bản dưới luật có trái luật không, các thủ tục trong quá trình xây dựng luật có trái pháp luật không. Hạn chế trong này có nguyên nhân ở phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội nói riêng và Nhà nước nói chung.

Bốn là, Đảng thống nhất quản lý, giới thiệu và quyết định cán bộ ở một số chức vụ nhất định của Quốc hội. Theo Hồ Chí Minh, cán bộ nói chung “là gốc của mọi công việc”, “Muốn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hoặc kém” [12, tr.280]. Việc Quốc hội hoạt động có chất lượng và hiệu quả hay không phụ thuộc chủ yếu vào các đại biểu Quốc hội, cán bộ làm công tác tham mưu giúp việc cho Quốc hội. Do đó, Đảng luôn quan tâm đến công tác cán bộ của Quốc hội. Trước các kỳ bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban Tổ chức Trung ương Đảng phối hợp với Ủy ban Thường vụ Quốc hội lập ra các tiểu ban làm công tác chuẩn bị cho công tác bầu cử. Trong đó, trọng tâm là công tác chuẩn bị về cơ cấu, số lượng đại biểu, các tiêu chuẩn để trở thành các ứng cử viên, sự phân bổ đại biểu Quốc hội. Ban Chấp hành Trung ương giới thiệu người để bầu vào chức vụ Chủ tịch Quốc hội. Bộ Chính trị có trách nhiệm đề xuất với Ban Chấp hành Trung ương một đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị để Ban Chấp hành xem xét và quyết định. Việc giới thiệu nhân sự vào chức vụ Chủ tịch Quốc hội được làm dân chủ, đúng quy trình. Việc giới thiệu cán

bộ vào các chức vụ Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ban Thường vụ Quốc hội, cán bộ thuộc diện Ban Bí thư quản lý (như trợ lý Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ nhiệm các Ủy ban, Văn phòng Quốc hội) nhìn chung là tốt. Những người được bầu vào Ủy viên Ban Thường vụ Quốc hội đều có năng lực, đại diện cho nhiều lĩnh vực khác nhau, đáp ứng được yêu cầu của Quốc hội. Những năm gần đây nhiều người có kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực luật pháp đã được điều động và bổ nhiệm trong các cơ quan của Quốc hội. Bộ Chính trị quản lý chặt chẽ những người nắm giữ các chức vụ nêu trên của Quốc hội. Họ là đầu tàu gương mẫu và chịu trách nhiệm chính trong hoạt động của Quốc hội. Thông qua việc giới thiệu nhân sự, Đảng bao giờ cũng chọn cán bộ có đủ khả năng và phẩm chất, đạo đức thực hiện thành công đường lối, chủ trương của Đảng. Chính thông qua những cán bộ chủ chốt này, Đảng đã thực hiện vai trò lãnh đạo của mình đối với Quốc hội một cách toàn diện và triệt để.

4. Kết luận

Đảng Cộng sản Việt Nam có quá trình không ngừng đổi mới tư duy về phương thức lãnh đạo đối với Quốc hội. Hiện nay Đảng xác định rõ và đúng phương thức lãnh đạo Quốc hội. Trong đó, Đảng lãnh đạo Quốc hội nhưng không làm thay Quốc hội. Sự lãnh đạo mềm dẻo và tế nhị của Đảng đối với Quốc hội cho thấy rằng, Đảng và Quốc hội đều đại diện cho nhân dân. Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội ngày càng đổi mới, dân chủ, và phát huy

được vai trò, chức năng của Quốc hội. Quốc hội ngày càng thực quyền hơn. Hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội ngày càng hiệu quả hơn.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Bí thư (1992), *Quyết định số 42 - QĐ/TW ngày 14 tháng 12 năm 1992 về việc thành lập Đảng đoàn Quốc hội*, Hà Nội.
- [2] Ban Bí thư (1992), *Quyết định số 48 - QĐ/TW ngày 14 tháng 11 năm 1992 về việc thành lập ban cán sự đảng ở các bộ và cơ quan ngang bộ*, Hà Nội.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (1977), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [6] Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7] Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [8] Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [9] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [10] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [11] Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Nghị quyết số 03-NQ/HNTW ngày 18 tháng 6 năm 1997 Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII*, Hà Nội.
- [12] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.5, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.